

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HS-ST
Ngày: 31 - 3 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Hải Dương;**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **K' Nga;**

Bà **Nguyễn Thị Bé.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thanh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phùng Minh T.** Sinh ngày: 10/3/1992 tại Lâm Đồng. Nơi đăng ký HKTT: xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phùng Kim T1 và bà Cà Thị T2; Có vợ: Lương Thị H và 02 con, lớn nhất sinh năm 2012 và nhỏ nhất sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/11/2024 đến ngày 24/01/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện đang bị tại ngoại tại Thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Mai Nhữ H1.** Sinh ngày: 28/4/1986 tại Thanh Hóa. Nơi đăng ký HKTT: xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai Nhữ C (đã chết) và bà Nguyễn Thị T3. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại Đam Rông - Phòng PC 11, Công an tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự: Ban Q. Địa chỉ trụ sở: Thôn A, xã L, huyện Đ; Người đại diện: Ông Nguyễn Trọng M – Trưởng ban. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng

mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông **Phùng Minh T4**. Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: Ông **Bàn Văn G**. Nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phùng Minh T có vườn tại khoảnh D, tiểu khu A, thuộc địa giới hành chính xã L, huyện Đ, đầu năm 2020, T đến ở và canh tác trên đất này, đến năm 2022, bị cáo T gặp bị cáo Mai Nhữ H1 vào Đam Rông làm thuê. Khoảng tháng 8 năm 2022, bị cáo T muốn làm một căn chòi trên diện tích đất để ở và thuận tiện canh tác, biết bị cáo H1 có khả năng cưa, xẻ gỗ nên T hỏi H1 muốn làm căn chòi cần khoảng bao nhiêu gỗ, sau khi tính toán thì H1 nói cần khoảng 10m³ gỗ, T đồng ý và thuê H1 cắt, xẻ gỗ với giá 2.500.000 đồng/m³. Một ngày sau thì T dẫn H1 đến vườn của mình, chỉ vị trí cần dựng chòi và chỉ diện tích đất rừng tại lô c, khoảnh 4, tiểu khu A, xã L và nói H1 đến khu vực này để cưa, xẻ gỗ cho thuận tiện việc vận chuyển.

Khoảng một tuần sau, H1 mang theo máy cưa xăng cầm tay, dây, mực và đi lên khu vực rừng thuộc lô c, khoảnh 4, tiểu khu A, xã L tìm cây thông hoặc cây gỗ lớn để hạ. Trong thời gian 10 ngày, H1 đã cưa hạ 11 cây gồm: 01 cây Xoan Đào có đường kính gốc 78 cm, cao 7,5 m; 08 cây gỗ Thông ba lá, có đường kính gốc từ 35 cm đến 65 cm, cao 09m đến 17m; 02 cây gỗ tạp, có đường kính gốc từ 43 cm đến 50 cm, cao từ 03m đến 07m. Có một số cây, H1 cắt theo kích thước 0,2 x 0,2 x 3m để làm trụ chòi. Sau khi cưa hạ, cắt xẻ xong, H1 báo cho T để tìm người vận chuyển gỗ xuống vị trí dựng chòi. Khoảng 04 đến 05 ngày sau, T thỏa thuận với H1 vận chuyển gỗ với giá 1.000.000 đồng/m³, H1 thuê thêm 03 người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) cùng vận chuyển số gỗ trong ba ngày. Sau khi gỗ đã được vận chuyển về, T nhờ H1 và một số người bạn (không rõ nhân thân, lai lịch) dựng chòi, sử dụng hết 5,097m³ gỗ, số gỗ còn lại T cắt vào căn chòi. Sau khi hoàn tất, T mới thanh toán cho H1 15.500.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng là tiền vận chuyển gỗ, H1 đã chia đều cho những người tham gia vận chuyển. Ngày 09/02/2023, Trạm quản lý bảo vệ rừng Liêng Srônh kiểm tra, phát hiện, lập biên bản và chuyển hồ sơ cho Hạt kiểm lâm huyện Đ.

Theo kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Tại khoảnh 4, tiểu khu A, thuộc địa giới hành chính xã L, huyện Đ có 11 cây gỗ bị khai thác trái phép gồm: 08 cây Thông ba lá, thuộc nhóm IV; 02 cây gỗ tạp, thuộc nhóm VII và 01 cây gỗ Xoan Đào, thuộc nhóm IV, tổng khối lượng lâm sản thiệt hại 16,442m³ gỗ tròn. Phần thân

của toàn bộ 11 cây đã bị lấy khỏi hiện trường, phần cành, ngọn, bìa còn lại hiện trường là 4,361 m³, đối tượng rừng phòng hộ xung yếu là rừng tự nhiên.

Cơ quan điều tra thu giữ: 5,097m³ gỗ đã dùng để dựng hai căn chòi và 2,726 m³ còn lại trong căn chòi của bị cáo T, chuyển Hạt kiểm lâm huyện Đ xử lý theo quy định. Đối với máy cưa xăng cầm tay của bị cáo Mai Nhữ H1, đã bán lại cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch), không thu giữ được. Đối với dây, mực sau khi sử dụng bị cáo đã vứt lại trên rừng, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Theo Kết luận định giá tài sản số 17/KL – HĐĐGTS ngày 26/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định giá trị thiệt hại về lâm sản là 31.196.000 đồng, giá trị thiệt hại về môi trường là 124.784.000 đồng Tổng giá trị thiệt hại về lâm sản và môi trường là 155.980.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 17/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông đã truy tố các bị cáo về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử Tuyên bố các bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 32, Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phùng Minh T từ 09 đến 12 tháng tù, xử phạt bị cáo Mai Nhữ H1 từ 06 đến 09 tháng tù.

Tại phiên tòa các bị cáo Phùng Minh T, Mai Nhữ H1 không khiếu nại, thắc mắc về bản Cáo trạng và khai nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng truy tố.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo T nhận thức hành vi của mình là sai trái, rất ăn năn và mong được mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình làm công dân có ích. Bị cáo H1 xin được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Để dựng chòi trên phần đất vườn thuộc khoảnh 4, tiểu khu A, xã L mà khoảng tháng 8 năm 2022, bị cáo Phùng Minh T đã

thuê bị cáo Mai Nhữ H1 lên khu vực rừng thuộc lô c, khoảnh 4, tiểu khu A, xã L dùng máy cưa xăng cầm tay, dây, mực cưa hạ tổng cộng 11 cây gỗ gồm: 01 cây Xoan Đào có đường kính gốc 78 cm, cao 7,5 m; 08 cây gỗ Thông ba lá, có đường kính gốc từ 35 cm đến 65 cm, cao 09m đến 17m; 02 cây gỗ tạp, có đường kính gốc từ 43 cm đến 50 cm, cao từ 03m đến 07m. Sau khi cưa hạ, cắt xẻ xong, H1 báo cho T để tìm người vận chuyển gỗ xuống vị trí dựng chòi. Sau khi gỗ đã được vận chuyển về, T nhờ H1 và một số người bạn (không rõ nhân thân, lai lịch) dựng chòi, T mới thanh toán cho H1 15.500.000 đồng, gồm tiền khai thác và vận chuyển gỗ.

Theo kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Tại khoảnh 4, tiểu khu A, thuộc địa giới hành chính xã L, huyện Đ có 11 cây gỗ bị khai thác trái phép gồm: 08 cây Thông ba lá, thuộc nhóm IV; 02 cây gỗ tạp, thuộc nhóm VII và 01 cây gỗ Xoan Đào, thuộc nhóm IV, tổng khối lượng lâm sản thiệt hại 16,442m³ gỗ tròn. Phần thân của toàn bộ 11 cây đã bị lấy khỏi hiện trường, phần cành, ngọn, bìa còn lại hiện trường là 4,361 m³, đối tượng rừng phòng hộ xung yếu là rừng tự nhiên.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của đại diện bị đơn dân sự và người làm chứng cũng như phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 232 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm do hành vi của bị cáo gây ra: tính chất của vụ án là nghiêm trọng vì đã xâm phạm đến chế độ quản lý rừng của Nhà nước, xâm phạm đến môi trường sinh thái, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo biết rừng là tài nguyên quý của đất nước, là bộ phận quan trọng của môi trường sinh thái, có giá trị to lớn đối với nền kinh tế của đất nước và đời sống của nhân dân, pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi huỷ hoại, khai thác trái phép tài nguyên rừng. Tuy nhiên, để có gỗ làm chòi và để có tiền tiêu xài, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi cưa hạ 11 cây rừng, trong đó 09 cây thuộc nhóm IV, 02 cây thuộc nhóm VII với tổng khối lượng lâm sản bị thiệt hại là 16,442m³ gỗ tròn, đối tượng rừng tác động là rừng phòng hộ xung yếu là rừng tự nhiên. Những năm gần đây, Nhà nước và địa phương đã có nhiều chính sách, tuyên truyền về quản lý và bảo vệ rừng, có nhiều biện pháp ngăn chặn hành vi phá rừng nhưng trên địa bàn tình hình huỷ hoại rừng, khai thác rừng trái phép diễn ra ngày càng nhiều, tính chất ngày càng phức tạp, do vậy cần áp dụng đối với bị cáo một mức án nghiêm khắc để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả thiệt hại lâm sản còn lại cũng như nộp

tiền thu lợi bất chính nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi bị phát hiện hành vi, khi biết cơ quan điều tra có thông báo thì các bị cáo đã tự đến đầu thú, khai nhận hành vi của mình nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự với các bị cáo.

[5] Về quyết định hình phạt: Các bị cáo đã tác động gia đình và gia đình các bị cáo khắc phục toàn bộ hậu quả thiệt hại lâm sản còn lại cũng như nộp tiền thu lợi bất chính, các bị cáo thực sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đầu thú và khai nhận hành vi của mình. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và có tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt đối với các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật. Tuy nhiên cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức giáo dục cải tạo các bị cáo đồng thời mang tính chất răn đe, phòng ngừa chung. Trong vụ án này, bị cáo T đóng vai trò chủ mưu, cầm đầu, trực tiếp thuê và trả tiền cho bị cáo H1 thực hiện hành vi cưa hạ cây rừng, trả tiền cho bị cáo H1 và các đối tượng khác vận chuyển gỗ để làm chòi nên phải chịu hình phạt nặng hơn so với bị cáo H1. Đối với bị cáo H1 khi được thuê đã tích cực thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp cưa hạ cây rừng gây thiệt hại rừng và tham gia vận chuyển gỗ nên cũng cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội. Đến ngày phạm tội, bị cáo H1 đã bị tạm giam 06 tháng 15 ngày, đủ thời gian giáo dục, cải tạo với bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo hình phạt tù bằng thời hạn tạm giam để bị cáo được hòa nhập cộng đồng, sửa chữa lỗi lầm, trở thành người công dân tốt cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là lao động phổ thông, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã tự nguyện khắc phục hậu quả nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 232 đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Theo Kết luận định giá tài sản số 17/KL – HĐĐGTS ngày 26/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định giá trị thiệt hại về lâm sản là 31.196.000 đồng, giá trị thiệt hại về môi trường là 124.784.000 đồng, tổng giá trị thiệt hại về lâm sản và môi trường là 155.980.000 đồng. Các bị cáo gây thiệt hại nên phải bồi thường thiệt hại về lâm sản sung công quỹ Nhà nước. Quá trình thu giữ tang vật, cơ quan chức năng đã bán đấu giá lâm sản thiệt hại được 26.750.400 đồng và đã nộp vào ngân sách Nhà nước, vậy số tiền thiệt hại lâm sản các bị cáo còn phải nộp là 4.445.600 đồng, theo phần mỗi bị cáo là 2.222.800 đồng, được trừ vào số tiền mà gia đình các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả trước đây. Đối với số tiền 15.500.000 đồng mà bị cáo T trả công khai thác và vận chuyển gỗ cho bị cáo H1, đây là tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo H1 phải nộp tiền này để sung công quỹ Nhà nước, và cũng được trừ vào số tiền mà gia đình các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả trước đây.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ: 5,097m³ gỗ đã dùng để dựng hai căn chòi và 2,726 m³ gỗ còn lại trong căn chòi của bị cáo T, chuyển Hạt kiểm lâm huyện Đ xử lý theo quy định. Đối với máy cưa xăng cầm tay của bị cáo Mai Nhữ H1, đã bán lại cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch), không thu giữ được. Đối với dây, mực sau khi sử dụng bị cáo đã vứt lại trên rừng, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[9] Về vấn đề khác: Trong vụ án này còn có 03 người đàn ông được bị cáo H1 thuê vận chuyển gỗ, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được nhận thân lai lịch nên cần tiếp tục điều tra và xử lý sau. Đối với trách nhiệm của Cán bộ Ban QLRRPH Sêrêpôk và Kiểm lâm địa bàn được giao phụ trách tại tiểu khu A, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Đ xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo; nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều d khoản 2 Điều 232, Điều 17, Điều 32, Điều 38, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự

- Các điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự;

- Các điều 106, 135, 136, 299, 326, 328, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phùng Minh T và Mai Nhữ H1 phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

2. Về quyết định hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Phùng Minh T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ vào thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam trước đây (từ ngày 22/11/2024 đến ngày 24/01/2025).

- Xử phạt bị cáo Mai Nhữ H1 06 (sáu) tháng 15 (mười lăm) ngày tù, bằng thời hạn tạm giam. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Mai Nhữ H1, nếu bị cáo H1 không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Phùng Minh T và bị cáo Mai Nhữ H1 có trách nhiệm liên đới bồi

thường số tiền 4.445.600 đồng (bốn triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn sáu trăm đồng) để sung công quỹ Nhà nước, theo phần mỗi bị cáo là 2.222.800 đồng (hai triệu hai trăm hai mươi hai ngàn tám trăm đồng), được trừ vào số tiền 31.196.000 đồng (ba mươi một triệu một trăm chín mươi sáu ngàn đồng) gia đình các bị cáo đã nộp (do ông Phùng Minh T4 nộp thay) theo biên lai thu số 0001686 ngày 10/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

- Buộc bị cáo Mai Nhữ H1 nộp số tiền 15.500.000 đồng (mười lăm triệu năm trăm ngàn đồng) tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 31.196.000 đồng (ba mươi một triệu một trăm chín mươi sáu ngàn đồng) gia đình các bị cáo đã nộp (do ông Phùng Minh T4 nộp thay) theo biên lai thu số 0001686 ngày 10/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

- Hoàn trả cho bị cáo Phùng Minh T số tiền 11.250.400 đồng (mười một triệu hai trăm năm mươi ngàn bốn trăm đồng) còn thừa tại biên lai thu số 0001686 ngày 10/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Phùng Minh T và bị cáo Mai Nhữ H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Đối với Nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Cơ quan CSĐT – CA tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng PC 11 – CA tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đam Rông;
- Phân trại Đam Rông – Phòng PC 11.
- Chi cục THA huyện Đam Rông ;
- Bị cáo; Nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu HS - AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Hải Dương